

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
THÀNH PHỐ TÂY NINH  
TỈNH TÂY NINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 15/2019/HNGĐ-ST

Ngày: 12-4-2019.

V/v “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con”.

**NHÂN DANH**

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM.**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ TÂY NINH, TỈNH TÂY NINH.**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa:* Bà Nguyễn Thị Thùy Trang.

*Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Bà Nguyễn Thị Liễu;
2. Ông Nguyễn Văn Mừng.

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Lê Thị Lan – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Tây Ninh, tỉnh Tây Ninh.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Tây Ninh, tỉnh Tây Ninh tham gia phiên tòa:** Bà Dương Thị Tiểu Phương - Kiểm sát viên.

Ngày 12 tháng 4 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Tây Ninh, tỉnh Tây Ninh xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân và gia đình thụ lý số: 11/2019/TLST-HNGĐ ngày 04 tháng 01 năm 2019 về việc “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 20/2019/QĐXXST-HNGĐ ngày 19 tháng 3 năm 2019, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị **Đoàn Thị T**, sinh năm 1976; Địa chỉ: Số 01, đường 785, ấp TP, xã TB, thành phố TN, tỉnh Tây Ninh; có đơn xin xét xử vắng mặt.

Bị đơn: Anh **Lâm Hữu B**, sinh năm 1973; Địa chỉ: Số 01, đường 785, ấp TP, xã TB, thành phố TN, tỉnh Tây Ninh; có đơn xin xét xử vắng mặt.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*Theo đơn xin ly hôn ngày 28/12/2018, biên bản lấy lời khai ngày 05/3/2019 và quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn- chị Đoàn Thị T trình bày:*

Về quan hệ hôn nhân: Chị và anh B tự nguyện tìm hiểu và tiến tới hôn nhân chung sống vợ chồng năm 1996, có đăng ký kết hôn vào năm 2002 tại Ủy ban nhân dân xã Tân Bình, thị xã Tây Ninh (nay là thành phố Tây Ninh), tỉnh Tây Ninh. Vợ chồng chung sống hạnh phúc đến khoảng năm 2015 thì xảy ra mâu thuẫn. Nguyên nhân do anh B không lo cho gia đình, thường xuyên uống rượu say sưa và thường xuyên đánh đập chị nên vợ chồng thường xuyên xảy ra gây gổ cãi vã. Vợ chồng anh chị đã sống ly thân từ tháng 01/2017 đến nay. Nhận thấy tình cảm vợ chồng không

còn, cuộc sống hôn nhân không hạnh phúc, mâu thuẫn ngày càng trầm trọng, không thể hàn gắn được nữa nên chị xin được giải quyết ly hôn với anh B.

Về con chung: Có 02 con chung tên Lâm Hữu T1, sinh ngày 04/02/1998 và Lâm Nhật H, sinh ngày 30/10/2003. Hiện cháu T1 và cháu H đang sống với anh, chị.

Cháu T1 đã thành niên, không yêu cầu toà án giải quyết. Chị T xin được nuôi cháu H, không yêu cầu anh B cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Chị trình bày không có, không yêu cầu toà án giải quyết.

Về nợ chung: Chị trình bày không có, không yêu cầu toà án giải quyết.

Trong quá trình giải quyết vụ án, chị T giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, yêu cầu ly hôn với anh B, yêu cầu giải quyết về con chung.

*Theo biên bản lấy lời khai ngày 17 tháng 01 năm 2019, bị đơn- anh Lâm Hữu B trình bày:*

Anh B thống nhất lời trình bày của chị T về quan hệ hôn nhân, về mâu thuẫn, về con chung, tài sản chung và nợ chung. Tuy nhiên, về quan hệ hôn nhân, anh không đồng ý ly hôn với chị T, anh xin được đoàn tụ do anh còn rất thương vợ con.

*Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Tây Ninh phát biểu ý kiến:*

Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán và Hội đồng xét xử từ khi thụ lý vụ án cho đến khi xét xử: Thẩm phán và Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng và đầy đủ các trình tự thủ tục theo quy định của Bộ luật tố tụng Dân sự;

Về chấp hành pháp luật của những người tham gia tố tụng: Các đương sự đã thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ theo quy định pháp luật, chấp hành tốt nội quy phiên tòa.

Về việc giải quyết vụ án: Căn cứ các điều 51; 56; 58; 81; 82; 83 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30 tháng 12 năm 2016 về mức thu, miễn, giảm, nộp và quản lý sử dụng án phí, lệ phí Tòa án;

Đề nghị Hội đồng xét xử cho chị Đoàn Thị T được ly hôn với anh Lâm Hữu B; về con chung: Cháu T1 đã thành niên, không đặt ra giải quyết. Giao cháu H cho chị T tiếp tục trông nom, chăm sóc, giáo dục và nuôi dưỡng. Ghi nhận chị T không yêu cầu anh B cấp dưỡng nuôi con; về tài sản chung và nợ chung: Anh chị không yêu cầu Tòa án giải quyết. Chị T phải chịu án phí hôn nhân sơ thẩm.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

*Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa và ý kiến trình bày của đương sự, Hội đồng xét xử xét thấy:*

[1] Về tố tụng: Chị Đoàn Thị T và anh Lâm Hữu B có đơn yêu cầu tòa án giải quyết vắng mặt vụ án ly hôn giữa chị T và anh B. Căn cứ khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng Dân sự năm 2015, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt chị T, anh B.

[2] Về nội dung vụ án: Chị Đoàn Thị T và anh Lâm Hữu B tự nguyện tìm hiểu và tiến tới hôn nhân chung sống vợ chồng năm 1996, có đăng ký kết hôn vào năm

2002 tại Ủy ban nhân dân xã Tân Bình, thị xã Tây Ninh (nay là thành phố Tây Ninh), tỉnh Tây Ninh. Quan hệ hôn nhân của anh chị là hợp pháp nên được pháp luật thừa nhận và bảo vệ.

Xét thấy: Chị T xác định quan hệ hôn nhân giữa anh chị không thể hàn gắn được vì phát sinh quá nhiều mâu thuẫn trong thời gian dài; riêng anh B xác định vợ chồng có thường xuyên phát sinh mâu thuẫn nhưng anh còn thương vợ con nên yêu cầu được đoàn tụ. Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án tiến hành động viên hòa giải nhiều lần và cho thời gian để chị T có thêm thời gian suy nghĩ để hàn gắn tình cảm vợ chồng nhưng chị vẫn không thay đổi yêu cầu ly hôn, mỗi người vẫn sống ly thân; bản thân anh B không đồng ý ly hôn nhưng anh cũng không có biện pháp để hàn gắn tình cảm vợ chồng trong thời gian toà án cho chị T thời gian suy nghĩ, đồng thời, anh cũng không đến toà án để toà án tiến hành hoà giải, động viên hai bên là thể hiện việc anh không có thiện chí đoàn tụ. Do đó, có đủ cơ sở để xác định tình cảm vợ chồng giữa chị T và anh B không còn, mâu thuẫn vợ chồng ngày càng trở nên trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được; anh chị không sống chung một thời gian dài nhưng không có biện pháp để hàn gắn tình cảm vợ chồng. Hội đồng xét xử chấp nhận đơn yêu cầu ly hôn của chị Đoàn Thị T đối với anh Lâm Hữu B là phù hợp.

[3] Về con chung: Có 02 con chung tên Lâm Hữu T1, sinh ngày 04/02/1998 và Lâm Nhật H, sinh ngày 30/10/2003. Hiện cháu T1 và cháu H đang sống với anh, chị.

Cháu T1 đã thành niên, không yêu cầu toà án giải quyết. Chị T xin được nuôi cháu H, không yêu cầu anh B cấp dưỡng nuôi con. Anh B không có ý kiến gì trong việc giải quyết vấn đề con chung.

Tại Biên bản lấy lời khai của cháu H ngày 05/3/2019, cháu H trình bày có nguyện vọng được sống chung với mẹ.

Do vậy, Hội đồng xét xử xét thấy giao cháu H cho chị T tiếp tục trông nom, chăm sóc, giáo dục và nuôi dưỡng là phù hợp. Chị T không yêu cầu anh B cấp dưỡng nuôi con nên Hội đồng xét xử ghi nhận.

[4] Về tài sản chung và nợ chung: Anh chị thống nhất không yêu cầu Tòa án giải quyết, Hội đồng xét xử không đặt ra giải quyết.

[5] Đối với đề nghị của đại diện Viện kiểm sát: Xét thấy đề nghị của vị đại diện Viện kiểm sát là phù hợp với tình tiết, nội dung vụ án Hội đồng xét xử chấp nhận.

[6] Về án phí: Chị Đoàn Thị T phải chịu án phí sơ thẩm Hôn nhân và gia đình theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ các điều 51; 56; 58; 81; 82; 83 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ Điểm a, Khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30 tháng 12 năm 2016 về mức thu, miễn, giảm, nộp và quản lý sử dụng án phí, lệ phí Tòa án;

[1]. Về hôn nhân: Chấp nhận đơn yêu cầu ly hôn của chị Đoàn Thị T đối với anh Lâm Hữu B.

Chị Đoàn Thị T được ly hôn với anh Lâm Hữu B; chị T và anh B không còn quyền và nghĩa vụ của vợ chồng.

[2]. Về con chung: Có 02 con chung tên Lâm Hữu T1, sinh ngày 04/02/1998 và Lâm Nhật H, sinh ngày 30/10/2003.

Cháu Lâm Hữu T1 đã thành niên, không yêu cầu toà án giải quyết.

Giao cháu Lâm Nhật H cho chị T tiếp tục trông nom, chăm sóc, giáo dục và nuôi dưỡng. Ghi nhận chị T không yêu cầu anh B cấp dưỡng nuôi con chung.

Sau khi ly hôn, anh Lâm Hữu B có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở.

[3]. Về tài sản chung và nợ chung: Ghi nhận chị T, anh B không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[4]. Về án phí: Chị Đoàn Thị T phải chịu 300.000 đồng tiền án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm nhưng được khấu trừ tiền tạm ứng án phí chị Thu đã nộp 300.000 đồng theo biên lai thu số 0006467 ngày 04/01/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Tây Ninh, tỉnh Tây Ninh. Chị T đã nộp đủ án phí hôn nhân sơ thẩm.

[5]. Các bên đương sự được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, người vắng mặt được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết tại địa phương nơi có trụ sở.

[6]. Trường hợp, bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

***Nơi nhận:***

- Phòng KT-NV TAND tỉnh Tây Ninh;
- VKSND thành phố Tây Ninh;
- CCTHADS thành phố Tây Ninh;
- Các đương sự;
- Nơi cấp chứng nhận kết hôn;
- Lưu.

**TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Nguyễn Thị Thùy Trang**